TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1504/2026/DS-ST
Ngày: 07 - 4 - 2026
V/v: tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Trang

2. Ông Nguyễn Đình Thức

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Võ Thị Bích Đào, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 9- Thành phố Hồ Chí Minh

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh*** *tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự, thụ lý số 1647/2025/DSST ngày 24 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 191/2026/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty T1 (Việt Nam)

Địa chỉ: I đường P, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thu T, sinh năm 2002 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: B đường L, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: 1 đường N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 9 năm 2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty T1 có bà Trần Thị Thu T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 05/7/2024, Công ty T1 (Việt Nam) (sau đây gọi tắt là công ty T1) ký Hợp đồng tín dụng số 5648521 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) về việc

cấp tín dụng cho bà Nguyễn Thị Thu H với khoản vay trị giá 43.080.000 đồng trong đó bao gồm: 40.000.000 đồng tiền vay và 3.080.000 đồng tiền bảo hiểm khoản vay. Mục đích vay để tiêu dùng cá nhân; hình thức vay tín chấp và không có tài sản bảo đảm. Lãi suất vay: 52%/năm. Thời hạn vay là 24 tháng tính từ ngày 05/8/2024 đến ngày 05/7/2026.

Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 5648521 giữa công ty T1 và bà Nguyễn Thị Thu H là hợp đồng được giao kết thông qua hình thức ký kết hợp đồng điện tử. Hợp đồng điện tử này được các bên giao kết thông qua việc bà Nguyễn Thị Thu H đồng ý các điều khoản quy định trên hợp đồng và xác nhận ký hợp đồng bằng cách nhập mã OTP được gửi từ hệ thống qua SMS hoặc email. Sau khi kiểm tra OTP hợp lệ, công ty TNHH H1 (là đơn vị đã đăng ký Hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp động điện tử theo quy định pháp luật Việt Nam) sẽ khởi tạo chữ ký số, thực hiện ký hợp đông điện tử và lưu trữ hợp đồng điện tử, thông tin khoản vay. Khi đó, phía công ty TNHH H1 cũng sẽ tự động khởi tạo chữ ký số và thực hiện ký hợp đồng điện tử cho công ty T1.

Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, ngày 06/7/2024 công ty T1 đã đã tiến hành giải ngân toàn bộ số tiên vay cho bà Nguyễn Thị Thu H theo đúng quy định trong hợp đồng tín dụng, số tiền giải ngân được công ty T1 chuyển khoản vào tài khoản do bà Nguyễn Thị Thu H cung cấp tại Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 5648521, cụ thể như sau: Tên tài khoản: NGUYEN THI THU HA ; số tài khoản: 000002166686; tại ngân hàng: VIET NAM THUONG TIN (V); Số tiền giải ngân: 40.000.000; Nội dung: MIRAE ASSET CHUYEN TIEN GN NGUYEN THI THU HA HD 5648521

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Nguyễn Thị Thu H đã thanh toán được 08 kỳ với tổng số tiền: 23.501.792 đồng. Trong đó bao gồm: 9.934.564 đồng tiền gốc; 13.471.228 đồng tiền lãi; 96.000 đồng tiền phí thu hộ. Từ ngày 05/3/2025, bà Nguyễn Thị Thu H đã không thanh toán đầy đủ theo nghĩa vụ hợp đồng đối với khoản vay mà phía công ty T1 đã giải ngân, không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình, để khoản vay quá hạn.

Việc bà Nguyễn Thị Thu H không thanh toán đúng hạn theo quy định của Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết, đã vi phạm nghĩa vụ đối với Công ty T1, đồng thời công ty có quyền đơn phương chấm dứt cho vay và thu hồi toàn bộ khoản nợ trước hạn với bà Nguyễn Thị Thu H.

Tính đến ngày 11/3/2026, bà Nguyễn Thị Thu H đã không thanh toán, trễ hạn các khoản tiền như sau:

Số nợ gốc còn lại chưa thanh toán (số tiền gốc phải thanh toán): 33.145.436 đồng.

Số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán (số tiền lãi chưa trả tính từ kỳ 09 đến kỳ 24, chi tiết tại bảng báo cáo thu hồi nợ vay hợp đồng tín dụng: 12.356.594 đồng.

Số tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn (150% x lãi suất năm x số tiền gốc phải trả mỗi kỳ x số ngày trễ hạn /365 ngày): 7.610.276 đồng.

Số tiền lãi chậm trả tính trên lãi quá hạn chưa thanh toán (10% x số tiền lãi phải thanh toán mỗi kỳ x số ngày trễ hạn/ 365 ngày): 681.165 đồng.

Nay công ty T1 (Việt Nam) khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H phải thanh toán toàn bộ khoản vay cho công ty T1 (bao gồm dư nợ gốc còn lại của khoản vay, lãi, phí) tính đến ngày 11/3/2026 là: 53.793.471 đồng và lãi phát sinh từ ngày 12/3/2026 đến khi hoàn tất việc thanh toán khoản vay nói trên.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Bà xác nhận có ký thỏa thuận vay của công ty T1 (Việt Nam) với số tiền gốc là 40.000.000 đồng, bà đã nhận đủ số tiền vay như Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Sau khi vay bà đã thanh toán được hơn 12 tháng, mỗi tháng số tiền 2.900.000 đồng. Hiện tại bà đang gặp khó khăn về vấn đề tài chính nên mất khả năng thanh toán, đang ở nhà thuê và đang thất nghiệp nên đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà có ý kiến mong Tòa án xem xét giải quyết:

- Xin công ty T1 (Việt Nam) cho bà trả số tiền gốc còn lại và xin miễn tiền lãi.

- Thời hạn và phương thức thanh toán: số tiền gốc còn nợ bà sẽ trả mỗi tháng 500.000 đồng đến hết số tiền gốc còn lại vì hiện nay bà đang rất khó khăn.

Bà đề nghị được xem xét tạo điều kiện để bà sớm ổn định và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn công ty T1 (Việt Nam) là bà Trần Thị Thu T có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo nội dung bản tự khai, bảng tính lãi giao nộp cho Tòa án thể hiện tính đến ngày 07/4/2026, nguyên đơn yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H thanh toán một lần số tiền còn nợ của hợp đồng tín dụng đã ký giữa các bên, tạm tính đến ngày 07/4/2026 là 55.667.452 đồng (trong đó số dư nợ gốc: 33.145.436 đồng; nợ lãi phát sinh: 12.815.610 đồng; nợ lãi quá hạn: 8.933.584 đồng; nợ lãi chậm trả: 772.822 đồng) và bà H còn phải tiếp tục trả lãi quá hạn theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận và nợ phí phát sinh trong hợp đồng tín dụng nêu trên, kể từ ngày 08/4/2026 cho đến khi thanh toán hết nợ cho nguyên đơn.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày: Bà xác định ngày 05/7/2024 bà có ký Hợp đồng tín dụng số 5648521 với Công ty T1 (Việt Nam) với khoản vay trị giá 43.080.000 đồng bao gồm: 40.000.000 đồng tiền vay và 3.080.000 đồng tiền bảo hiểm khoản vay. Mục đích vay để tiêu dùng cá nhân. Bà H xác định đã nhận đủ số tiền như Hợp đồng. Bà có trả tiền cho nguyên đơn nhưng về số tiền thì không nhớ chính xác.

Bà xác định hiện còn nợ số tiền nợ gốc 33.145.436 đồng như nguyên đơn yêu cầu. Hiện tại bà đang gặp khó khăn về tài chính, ở nhà thuê và không có

việc làm nên mất khả năng thanh toán. Bà xin được trả số tiền gốc còn lại mỗi tháng 500.000 đồng đến hết và xin miễn thanh toán tiền lãi.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đều tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên còn vi phạm về thời hạn đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

- Về việc giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về nợ gốc và tiền lãi quá hạn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ đơn khởi kiện ngày 15 tháng 9 năm 2025 và Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 5648521 ngày đề nghị vay 05/7/2024, ký ngày 05/7/2024, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H có địa chỉ cư trú tại 1 N, phường T, quận T cũ nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Xét, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự, cụ thể là Hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Mục 2 của Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật Tố Tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Điều 4 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ thực hiện thẩm quyền của các Toà án nhân dân.

[2].Về thủ tục tố tụng:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn công ty T1 (Việt Nam) là bà Trần Thị Thu T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3]. Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về hình thức và nội dung hợp đồng tín dụng:

Xét, Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 5648521 ngày đề nghị vay 05/7/2024, ký ngày 05/7/2024 giữa công ty T1 và bà Nguyễn Thị Thu H; lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, sự thừa nhận của bị đơn cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận thấy: hai bên có xác lập hợp đồng theo mẫu chung do nguyên đơn dự thảo, theo quy định tại Điều 405 Bộ luật Dân sự 2015, việc hai bên ký hợp đồng theo đúng trình tự, thủ tục quy định, đồng thời bị đơn bà H chưa thực hiện thanh toán đầy đủ một số kỳ của hợp đồng (theo bảng chi tiết tính lãi tiền vay và quá hạn do nguyên đơn cung cấp) nên Hội đồng xét xử xét, hình thức và nội dung bản hợp đồng này được giao kết và thực hiện là hoàn toàn tự nguyện, hình thức hợp đồng và nội dung thỏa thuận phù hợp và không trái quy định pháp luật, có hiệu lực kể từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại các Điều 385, Điều 398, Điều 405, Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng.

Trong vụ án này, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H không có yêu cầu phản tố.

[3.2] Về thực hiện hợp đồng và nghĩa vụ thanh toán:

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ theo đơn khởi kiện; Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 5648521 ngày đề nghị vay 05/7/2024, ký ngày 05/7/2024 giữa công ty T1 và bà Nguyễn Thị Thu H; lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; sự xác nhận của bị đơn; bảng báo cáo lịch sử thanh toán hợp đồng tín dụng ngày 05/8/2025 do nguyên đơn lập, xác định sau khi ký hợp đồng tín dụng nguyên đơn đã giải ngân số tiền vay vào tài khoản cá nhân của bà H (theo phiếu báo nợ số giao dịch phiếu báo nợ số giao dịch FT24188911424741, số tham chiếu: 206422709930000.00001 của Ngân hàng TMCP K. Bị đơn xác định đã nhận đủ số tiền vay. Do đó đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận từ ngày 05/3/2025 nên nguyên đơn yêu cầu bà H thanh toán nợ gốc và lãi tính đến ngày 07/4/2026 là 55.667.451 đồng (trong đó nợ gốc: 33.145.436 đồng; lãi phát sinh: 12.815.610 đồng; nợ lãi quá hạn: 8.933.584 đồng; nợ lãi chậm trả: 772.822 đồng) theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 5648521 ngày đề nghị vay 05/7/2024, ký ngày 05/7/2024 là có căn cứ, phù hợp quy định tại các Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Do vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3.3]. Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ:

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xét thấy: yêu cầu của nguyên đơn về khoản tiền lãi chậm trả và phí phát sinh kể

từ ngày 08/4/2026 theo mức lãi suất do hai bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng là phù hợp nên chấp nhận.

[3.4]. Về thời hạn thanh toán:

Xét ý kiến của bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H về việc trình bày hoàn cảnh khó khăn (thất nghiệp, ở nhà thuê), xin được miễn tiền lãi và xin trả góp mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ gốc. Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ tín dụng được xác lập dựa trên nguyên tắc tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận. Việc miễn giảm lãi hoặc cho phép trả góp phải được sự đồng ý của bên cho vay. Tuy nhiên yêu cầu này không được đại diện nguyên đơn đồng ý, vẫn giữ nguyên yêu cầu thanh toán toàn bộ hợp đồng một lần. Do đó không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu xin miễn lãi và trả góp của bị đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà Nguyễn Thị Thu H thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho công ty T1 (Việt Nam) số tiền tính đến ngày 07/4/2026 là 55.667.452 đồng (trong đó nợ gốc: 33.145.436 đồng; lãi phát sinh: 12.815.610 đồng; nợ lãi quá hạn: 8.933.584 đồng; nợ lãi chậm trả: 772.822 đồng) và tiền lãi, phí phát sinh theo mức lãi suất do hai bên thỏa thuận tại hợp đồng kể từ 08/4/2026 cho đến khi thanh toán xong số nợ. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho công ty T1 (Việt Nam).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 179, Điều 228, Điều 264, Điều 266, Điều 267, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Mục 2 của Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật Tố Tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

- Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực;

- Điều 4 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ thực hiện thẩm quyền của các Toà án nhân dân.

Áp dụng:

- Điều 351, Điều 357, Điều 385, Điều 398, Điều 405, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công ty T1 (Việt Nam):

Bà Nguyễn Thị Thu H có trách nhiệm thanh toán cho công ty T1 (Việt Nam) số tiền còn thiếu của Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 5648521 ngày đề nghị vay 05/7/2024, ký ngày 05/7/2024 là 55.667.452 đồng (trong đó nợ gốc: 33.145.436 đồng; lãi phát sinh: 12.815.610 đồng; nợ lãi quá hạn: 8.933.584 đồng; nợ lãi chậm trả: 772.822 đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Thu H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 5648521 ngày đề nghị vay 05/7/2024, ký kết ngày 05/7/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ trên.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của công ty tài chính cho vay thì lãi suất mà khách vay phải tiếp tục thanh toán cho công ty T1 cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của công ty tài chính cho vay.

Thời hạn và phương thức thanh toán: Một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thu H phải nộp số tiền án phí là 2.783.373 đồng.

Hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí 990.973 đồng cho công ty T1 (Việt Nam) theo biên lai thu số 0028130 ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tp. HCM;
- VKSND khu vực 9;
- Thi hành án dân sự Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hương Giang

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hương G

Nơi nhận:
- TAND Tp. HCM;
- VKSND khu vực 9;
- Thi hành án dân sự Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (Đào).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hương Giang